

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

====o0o====

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====o0o=====



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140,237,004,726	122,627,478,707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	37,626,397,614	19,127,234,881
1. Tiền	111		1,472,676,693	698,984,634
2. Các khoản tương đương tiền	112		36,153,720,921	18,428,250,247
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19,152,941,806	22,643,015,591
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	21,895,135,706	25,616,741,991
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(2,742,193,900)	(2,973,726,400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66,787,138,399	34,496,348,704
1. Phải thu khách hàng	131		213,477,095	214,439,120
2. Trả trước cho người bán	132		26,843,772,762	25,662,750,162
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6	39,908,865,637	8,619,159,422
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(178,977,095)	-
IV. Hàng tồn kho	140		589,142,586	251,212,241
1. Hàng tồn kho	141		589,142,586	251,212,241
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,081,384,321	46,109,667,290
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	44,235,927	240,910,078
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	3,269,774,045	2,154,804,189
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	12,767,374,349	43,713,953,023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		295,423,505,267	282,071,967,724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		242,551,131,561	193,012,150,724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1,277,465,809	1,529,622,940
- Nguyên giá	222		2,055,655,878	2,055,655,878
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(778,190,069)	(526,032,938)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	4,888,889	12,580,648
- Nguyên giá	228		75,888,000	75,888,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70,999,111)	(63,307,352)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	241,268,776,863	191,469,947,136
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		49,371,740,000	85,887,817,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	8,007,400,000	8,007,400,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	45,931,900,000	82,918,167,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4,567,560,000)	(5,037,750,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,500,633,706	3,172,000,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		328,633,706	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,172,000,000	3,172,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		435,660,509,993	404,699,446,431

NGUỒN VỐN		Mã chỉ	Thuyết	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ		300		203,211,033,853	152,145,424,524
I. Nợ ngắn hạn		310		194,416,160,017	144,018,728,940
1. Vay và nợ ngắn hạn		311			-
2. Phải trả người bán		312		87,280,068,511	54,462,948,829
3. Người mua trả tiền trước		313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		314	15	665,465,159	156,658,885
5. Phải trả người lao động		315		233,342,826	288,457,550
6. Chi phí phải trả		316		-	-
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319		106,059,780,320	88,542,568,333
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		323		177,503,200	568,095,343
II. Nợ dài hạn		330		8,794,873,836	8,126,695,584
1. Doanh thu chưa thực hiện		338		8,794,873,836	8,126,695,584
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		232,449,476,140	252,554,021,907
I. Vốn chủ sở hữu		410	16	232,449,476,140	252,554,021,907
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		264,000,000,000	264,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		48,496,600,000	48,496,600,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		1,268,874,614	1,268,874,614
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		24,751,612	24,751,612
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(81,340,750,086)	(61,236,204,319)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		435,660,509,993	404,699,446,431
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG					
1. Tài sản thuê ngoài		01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		04		-	-
5. Ngoại tệ các loại		05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		06		-	-

Kế toán trưởng

Đào Xuân Đức

Hà nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Khanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2012

Chỉ tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012	Lũy kế hết quý 4/2012	Lũy kế hết quý 4/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	-	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10 = 01 - 02)	10		-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	19	-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2,370,356,629	8,310,117,048	8,739,011,673	14,778,905,020
7. Chi phí tài chính	22	21	202,793,135	(1,536,712,470)	(24,678,759,911)	(2,706,672,270)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(1,599,165)		(4,099,165)	
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(724,209,496)	(1,997,718,432)	(4,744,128,402)	(6,211,158,749)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		1,848,940,268	4,775,686,146	(20,683,876,640)	5,861,074,001
11. Thu nhập khác	31			227,958,313	636,944,441	424,459,293
12. Chi phí khác	32	23	(962,025)	(526,563,636)	(3,962,026)	(533,806,519)
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(962,025)	(298,605,323)	632,982,415	(109,347,226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,847,978,243	4,477,080,823	(20,050,894,225)	5,751,726,775
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	187,736,564	50,824,153	187,736,564	50,824,153
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		1,660,241,679	4,426,256,670	(20,238,630,789)	5,700,902,622
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	24	63	168	(767)	216

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013



Đào Xuân Đức

Nguyễn Duy Khanh

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4/2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(20,050,894,225)	5,751,726,775
2. Điều chỉnh cho các khoản		(266,995,680)	(11,860,910,348)
- Khấu hao TSCĐ	02	259,848,890	211,402,402
- Các khoản dự phòng	03	(522,745,405)	1,940,833,400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(14,013,146,150)
- Chi phí lãi vay	06	(4,099,165)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08	(20,417,889,905)	(6,019,183,573)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2,638,157,972)	(21,763,712,198)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(337,930,345)	(251,212,241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế t	11	50,513,811,725	131,409,911,031
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(131,959,555)	(232,175,078)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	12,210,300,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(2,141,700,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26,987,873,948	113,122,227,941
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21	(49,798,829,727)	(170,076,067,133)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn k	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	40,707,873,285	(100,132,270,861)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	76,707,917,384
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	14,778,905,020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9,090,956,442)	(178,721,515,590)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	19,410,081,377
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của d	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	364,061,040	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	234,085,022	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	598,146,062	18,410,081,377
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	18,499,162,062	(47,189,206,272)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19,127,234,881	66,316,441,153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	37,626,397,614	19,127,234,881

Kế toán trưởng

Đào Xuân Đức

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Tư vấn, đầu tư
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 40 nhân viên).

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103013346 ngày 31/07 năm 2006, đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 0102005769 ngày 01 tháng 11 năm 2012 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 264 tỷ đồng.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương	Bắc Ninh	100%	Đầu tư xây dựng TTTM, văn phòng cho thuê
Công ty CP Đầu tư APEC Thái Nguyên	Thái Nguyên	84%	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu CN
Công ty CP APEC LAND Huế	Thừa Thiên Huế	55%	Đầu tư XD và kinh doanh Nhà ở, khu đô thị, KCN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

III. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

IV. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 4

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

13. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

14. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

15. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Các bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

*/ Công ty CP Chứng khoán Châu Á – TBD: là Công ty cũng được 02 cổ đông của Công ty là Ông Nguyễn Đỗ Lăng và Ông Nguyễn Duy Khanh tham gia góp vốn cổ đông sáng lập.

*/ Công ty TNHH MTV Châu Á – Thái Bình Dương Bắc Ninh: Công ty góp vốn vào Công ty này với tỷ lệ 100%.

*/ Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên: Công ty góp vốn vào Công ty này với tỷ lệ 84%.

*/ Công ty Cổ phần APEC LAND Huế: : Công ty góp vốn vào Công ty này với tỷ lệ 55%.

*/ Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á – Thái Bình Dương: Công ty góp vốn vào Công ty này với tỷ lệ sở hữu 49%.

*/ Trường Đại học tư thục Đông Nam Á: Công ty góp vốn vào Công ty này với tỷ lệ sở hữu 23%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

1 Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2012	01/01/2012
Nội dung			
Tiền mặt tại quỹ		330,109,044	264,009,362
Tiền gửi ngân hàng		1,142,567,649	434,975,272
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn		36,153,720,921	18,428,250,247
Tổng cộng		37,626,397,614	19,127,234,881
2 Đầu tư ngắn hạn		31/12/2012	01/01/2012
Nội dung			
Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Đình Vũ		4,533,025,000	4,533,025,000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần APECS		2,987,200,000	2,987,200,000
Cổ phiếu Công ty CP TMDV&XNK Hải Phòng		1,130,000,000	1,130,000,000
Cổ phiếu Tcty CP ĐT&XNK Foodinco		701,190,000	701,190,000
Cổ phiếu Công ty CP Len Hà Đông		323,900,000	323,900,000
Cổ phiếu TCTy CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)		419,857,000	91,427,000
Các cổ phiếu khác		999,950,000	
Cổ phiếu Công ty CP Len Hà Đông			7,499,999,991
Cho vay Công ty Cổ phần APECS		8,865,500,000	8,000,000,000
Cho vay ông Trịnh Quang Thuận		150,000,000	150,000,000
Ủy thác ĐT Công ty Cổ phần APECS		1,784,513,706	200,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác		21,895,135,706	25,616,741,991
cộng			
3 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		31/12/2012	01/01/2012
Nội dung			
Số dư tại đầu kỳ		2,973,726,400	2,973,726,400
Tăng dự phòng trong kỳ		-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ		(231,532,500)	-
Số dư cuối kỳ		2,742,193,900	2,973,726,400
4 Các khoản phải thu khác		31/12/2012	01/01/2012
Nội dung			
Lãi phải thu		678,500,000	1,371,170,305
Tạm ứng tiền thực hiện dự án Nam An Khánh		6,036,488,366	6,036,488,366
Phải thu khác		33,193,877,271	1,211,500,751
Số dư cuối kỳ		39,908,865,637	8,619,159,422

5	<u>Trả trước người bán</u>			<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Nội dung				
	Ban GPMB TP Thái Nguyên			1,543,793,008	1,543,793,008
	Ban GPMB Huyện Phú Bình				6,112,708,736
	Ban giải phóng đền bù Túc Duyên			3,811,470,737	3,751,083,427
	Công ty HANDICO			3,306,000,000	3,306,000,000
	Công ty Trung Tín				800,000,000
	Công ty CP Kiến trúc QT			900,000,000	900,000,000
	Cty SENA			686,000,000	686,000,000
	Công ty Thành Nam			390,000,000	390,000,000
	VP đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Bình			11,412,646,100	150,000,000
	Cty tư vấn ĐTTM Thái Nguyên			415,000,000	415,000,000
	Cty KD nhà TT Huế			398,800,000	398,800,000
	Công ty Công ty Văn Phú			149,875,511	2,300,000,000
	các đối tượng khác			3,830,187,406	4,909,364,991
	Số dư cuối kỳ			26,843,772,762	25,662,750,162
6	<u>Chi phí trả trước ngắn hạn</u>				
		Số dư đầu kỳ	Tăng	Phân bổ	Số dư cuối kỳ
	Chi phí đi thuê VP	240,910,078	43,056,477	239,730,628	44,235,927
	Số dư cuối kỳ	240,910,078	43,056,477	239,730,628	44,235,927
7	<u>Tài sản ngắn hạn khác</u>			<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Nội dung				
	Tạm ứng			11,657,374,349	42,531,486,823
	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn			1,110,000,000	1,182,466,200
	Số dư cuối kỳ			12,767,374,349	43,713,953,023
8	<u>Tài sản cố định hữu hình</u>				
	Nội	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ	Tổng cộng
	Nguyên giá				
	Số dư đầu năm	416,620,045	1,537,360,605	101,675,228	2,055,655,878
	Tăng trong kỳ			-	-
	Trong đó:				-
	Mua mới				-
	Giảm trong năm				
	Số dư cuối kỳ	12,000,000	1,537,360,605	101,675,228	2,055,655,878
	Giá trị hao mòn				
	Số dư đầu kỳ	31,736,709	456,886,385	37,409,844	526,032,938
	Khấu hao trong kỳ	70,436,672	153,736,060	27,984,399	252,157,131
	Giảm trong kỳ				
	Số dư cuối kỳ	102,173,381	610,622,445	65,394,243	778,190,069
	Giá trị còn lại				
	Số dư đầu năm	8,361,905	1,080,474,220	64,265,384	1,153,101,509
	Số dư cuối kỳ	(90,173,381)	926,738,160	36,280,985	1,277,465,809

9	<u>Tài sản cố định vô hình</u>		Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	Nội dung			
	Nguyên giá			
	Số dư đầu năm		75,888,000	75,888,000
	Tăng trong kỳ			-
	Trong đó:			-
	Mua mới			-
	Giảm trong năm		75,888,000	75,888,000
	Số dư cuối kỳ			-
	Giá trị hao mòn			
	Số dư đầu năm		69,418,352	69,418,352
	Khấu hao trong kỳ		1,580,648	1,580,648
	Giảm trong kỳ		70,999,000	70,999,000
	Số dư cuối kỳ			-
	Giá trị còn lại		6,469,648	6,469,648
	Số dư đầu năm		4,889,000	4,889,000
	Số dư cuối kỳ			
10	<u>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</u>		Kết chuyển giá trị	Số dư cuối kỳ
	Nội dung	Số đầu kỳ		
	KCN vừa và nhỏ Đa Hội - Bắc Ninh	129,469,926,132	2,348,843,459	131,818,769,591
	Khu Trung tâm TM Bắc Ninh	4,193,967,423	146,876,048	4,340,843,471
	Các dự án khác	5,679,382,761	7,381,244,419	13,060,627,180
	Dự án Quản lý chợ Tam Đa	5,346,001,091	41,272,251	5,387,273,342
	KĐT Số 5 Túc Duyên	749,998,085	1,462,081,041	2,212,079,126
	Trung tâm TM Thái Nguyên	32,656,961,682	5,561,381,217	38,218,342,899
	Các dự án khác	1,299,686,219	2,024,612,798	3,324,299,017
	Tổng Cộng	191,469,947,136	49,798,829,727	241,268,776,863
11	<u>Đầu tư vào công ty liên kết</u>		Tỷ lệ Sở hữu	Giá trị đầu tư
	Nội dung			
				31/12/2012
				01/01/2012
	Công ty CP Khoáng sản Châu Á _ TBD	49%	7,092,400,000	7,092,400,000
	Ban quản lý Trường ĐH Tư thục ĐNA	23%	575,000,000	575,000,000
	Vốn góp liên doanh với Công ty TNHH Liên Bằng		340,000,000	340,000,000
	Tổng cộng		8,007,400,000	8,007,400,000
12	<u>Đầu tư dài hạn khác</u>		Ghi chú	Giá trị đầu tư
	Nội dung			
				31/12/2012
				01/01/2012
	Cổ phiếu Cty CP Inlaco Sài Gòn	OTC		36,986,267,000
	Cổ phiếu Cty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội (C'LAND)		40,334,400,000	40,334,400,000
13	<u>Tài sản dài hạn khác</u>			Giá trị đầu tư
	Nội dung			
	Ký quỹ ký cược dài hạn			31/12/2012
				01/01/2012
				3,172,000,000
				3,172,000,000

14	<u>Phải trả người bán</u>		<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Nội dung			
	Ban GPMB Từ sơn		51,941,525,595	51,941,525,595
	Tổng Cty nước và MTĐT			1,001,118,350
	Trung tâm phát triển quỹ đất Bắc Ninh		878,917,840	1,378,603,200
	VP đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Bình		34,213,044,505	
	Các đối tượng khác		246,580,571	141,701,684
	Số dư cuối kỳ		87,280,068,511	54,462,948,829
15	<u>Các khoản phải trả phải nộp khác</u>		<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Nội dung			
	Nhận tiền góp vốn Khu Đa Hôi		73,310,309,180	73,310,309,180
	Nhận đặt cọc An Phát land		18,867,691,500	12,761,691,500
	Nhận đặt cọc khu VP và các đối tượng khác		13,517,718,600	2,470,567,653
	Số dư cuối kỳ		105,695,719,280	88,542,568,333
16	<u>Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước</u>			
	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
	Thuế GTGT được khấu trừ			Số dư cuối kỳ
	Thuế GTGT đầu vào	2,154,804,189	1,156,350,465	41,380,609
	Tổng cộng	2,154,804,189	1,156,350,465	41,380,609
	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			
	Thuế GTGT	-	56,652,191	-
	Thuế TNDN	56,024,694	187,736,564	
	Thuế TNCN	100,634,191	280,522,179	16,104,660
	Các loại thuế khác			-
	Tổng cộng:	156,658,885	524,910,934	16,104,660
17	<u>Thuế Giá trị gia tăng</u>			
	Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành			
18	<u>Thuế thu nhập doanh nghiệp</u>			
	Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế			
19	<u>Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau:</u>		<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Nội dung			
	Vốn đầu năm		264,000,000,000	264,000,000,000
	Vốn cổ phần tăng trong năm		-	-
	Vốn cổ phần cuối năm		264,000,000,000	264,000,000,000
	Cổ tức lợi nhuận đã chia		-	-
20	<u>Cổ phiếu</u>		<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Nội dung			
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		50,000,000	50,000,000
	Số lượng cổ phiếu đã phát hành		26,400,000	26,400,000
	<i>Cổ phiếu thường</i>		26,400,000	26,400,000
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		26,400,000	26,400,000
	<i>Cổ phiếu thường</i>		26,400,000	26,400,000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
 Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty hiện nay đang được giao dịch trên sàn HNX

21 Doanh thu hoạt động tài chính**Nội dung**

Lãi từ hợp đồng UTDT
 Lãi tiền gửi, tiền cho vay
 Cổ tức, lợi nhuận được chia
 Lãi đầu tư góp vốn bất động sản
Tổng cộng:

	Lũy kế đến quý IV	
	Quý IV/2012	năm 2012
	865,500,000	3,486,153,160
	1,504,856,629	3,979,878,512
		1,272,980,000
	-	
	2,370,356,629	8,739,011,672

22 Chi phí tài chính**Nội dung**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
 Lỗ đầu tư chứng khoán
 Hoàn nhập dự phòng
 Lỗ đầu tư liên doanh
 Chi phí tài chính khác
Tổng cộng:

	Lũy kế đến quý IV	
	Quý IV/2012	năm 2012
	-	-
		25,121,612,000
	(204,392,300)	(446,951,254)
	1,599,165	4,099,165
	(202,793,135)	24,678,759,911

23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**Nội dung**

Chi phí nhân viên quản lý
 Chi phí nguyên vật liệu
 Chi phí khấu hao
 Thuế, phí và lệ phí
 Chi phí khác
Tổng cộng:

	Lũy kế đến quý IV	
	Quý IV/2012	năm 2012
	603,330,326	3,373,445,258
		2,478,636
	21,737,693	88,406,275
		10,643,768
	99,141,477	1,269,154,465
	724,209,496	4,744,128,402

24 Thu nhập khác**Nội dung**

Chênh lệch đánh giá lại Tài sản
 Thu nhập khác
Tổng cộng:

	Lũy kế đến quý IV	
	Quý IV/2012	năm 2012
		636,944,441
		636,944,441

25 Chi phí khác**Nội dung**

Nộp phạt thuế
 Thanh lý tài sản cố định
 Chi phí khác
Tổng cộng:

	Lũy kế đến quý IV	
	Quý IV/2012	năm 2012
	962,125	3,962,026
	962,125	3,962,026

Nội dung**Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông**

- Lợi nhuận thuần trong năm
- Nộp phạt tiền phạt nộp chậm thuế
- Cổ tức chia cho cổ đông ưu đãi

Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông**Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm**

- Số lượng cổ phiếu đầu năm
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm

Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế đến quý IV	
	Quý IV/2012	năm 2012
	1,345,198,632	(20,338,630,789)
	-	-
	-	-
	1,660,241,679	(20,238,630,789)
	26,400,000	26,400,000
	-	-
	-	-
	26,400,000	26,400,000
	63	(767)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐÀO XUÂN ĐỨC

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN DUY KHANH